

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0600143867 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 01/08/2016)

- Số 52/93 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.
- Điện thoại: 0228.3848141
- Fax: 0228.3836894
- Website: <http://moitruongnamdinh.com.vn/>

Nam Định, Tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT | 5 |
| I. NỘI DUNG..... | 6 |
| 1. Thông tin chung..... | 6 |
| 2. Thông tin khái quát: | 6 |
| 3. Quá trình hình thành và phát triển:..... | 6 |
| 4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty | 7 |
| 4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty :..... | 7 |
| 4.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:..... | 8 |
| 5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 8 |
| 5.1 Mô hình quản trị Công ty:..... | 8 |
| 5.2 Các công ty con, công ty liên kết:..... | 14 |
| 6. Định hướng phát triển | 14 |
| 6.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty: | 14 |
| 6.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:..... | 14 |
| 6.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) | 15 |
| 7. Các rủi ro | 15 |
| 7.1 Rủi ro kinh tế: | 15 |
| 7.2 Rủi ro về lạm phát:..... | 15 |
| 7.3 Rủi ro luật pháp:..... | 15 |
| 7.4 Rủi ro đặc thù ngành | 16 |
| 7.5 Rủi ro khác: | 16 |
| II. Tình hình hoạt động trong năm | 16 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 16 |
| 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: | 16 |
| 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:..... | 17 |
| 2. Tổ chức và nhân sự: | 17 |
| 2.1 Danh sách ban điều hành: | 17 |
| 2.2 Những thay đổi ban điều hành:..... | 22 |
| 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:..... | 22 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án..... | 23 |
| 3.1 Các khoản đầu tư lớn: | 23 |
| 3.2 Các công ty con, công ty liên kết:..... | 23 |
| 4. Tình hình tài chính | 23 |
| 4.1 Tình hình tài chính:..... | 23 |
| 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:..... | 23 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu..... | 24 |

| | |
|---|-----------|
| 5.1 Cổ phần: | 24 |
| 5.2 Cơ cấu cổ đông: | 24 |
| 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 25 |
| 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: | 25 |
| 5.5 Các chứng khoán khác: | 25 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty..... | 25 |
| 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: | 25 |
| 6.2 Tiêu thụ năng lượng:..... | 25 |
| 6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)..... | 26 |
| 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: | 26 |
| 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:..... | 26 |
| 6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương..... | 27 |
| 6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:..... | 27 |
| III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)..... | 27 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 27 |
| 2. Tình hình tài chính | 28 |
| 2.1 Tình hình tài sản:..... | 28 |
| 2.2 Tình hình nợ phải trả:..... | 29 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 29 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 30 |
| 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có..... | 30 |
| 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty..... | 30 |
| IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần) | 31 |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội | 31 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty | 31 |
| 2.1 Những việc đã làm được: | 31 |
| 2.2 Những hạn chế cần khắc phục: | 32 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 32 |
| V. Quản trị công ty | 32 |
| 1. Hội đồng quản trị..... | 32 |
| 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: | 32 |
| 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: | 33 |
| 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị..... | 33 |

| | |
|--|-----------|
| 1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: | 33 |
| 1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: | 33 |
| 2. Ban Kiểm soát | 33 |
| 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: | 33 |
| 2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát: | 33 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát..... | 34 |
| 3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích: | 34 |
| 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:..... | 34 |
| 3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: | 34 |
| 3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: | 34 |
| VI. Báo cáo tài chính..... | 34 |
| 1. Ý kiến kiểm toán | 34 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán | 35 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|--------|-----------------------|
| QĐ: | Quyết định |
| UBND: | Ủy ban nhân dân |
| DTT: | Doanh thu thuần |
| TSCĐ: | Tài sản cố định |
| BCTC: | Báo cáo tài chính |
| HĐQT: | Hội đồng quản trị |
| ĐHĐCĐ: | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐLĐ: | Hợp đồng lao động |
| CBCNV: | Cán bộ công nhân viên |
| CMND: | Chứng minh nhân dân |
| CTCP: | Công ty cổ phần |

I. NỘI DUNG

1. Thông tin chung

2. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
- Tên tiếng Anh: NAM DINH ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: NDE.,JSC
- Trụ sở chính: Số 52/93 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.
- Điện thoại: 0228.3848141
- Fax: 0228.3836894
- Website: <http://moitruongnamdinh.com.vn/>
- Vốn điều lệ đăng ký: 21.944.750.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 21.944.750.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Đức Kiểm – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0600143867 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/08/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Vận chuyển rác thải, chất thải.
- Mã chứng khoán: MND (Sàn giao dịch: UPCOM)

3. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Môi trường Nam Định là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 762/QĐUB ngày 19/06/1997 và được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Nam Định theo quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 18/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Ngày 07/03/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 439/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Nam Định. Ngày 06/05/2016, Công ty tiến hành chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

Ngày 22/07/2016, Công ty cổ phần Môi trường Nam Định tổ chức Đại hội đồng cổ

đồng lần thứ nhất để chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH MTV sang mô hình Công ty cổ phần.

Ngày 01/08/2016, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy đăng ký chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600143867 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 21.944.750.000 đồng

Ngày 11/10/2016, Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành Công văn số 6819/UBCK - GSĐC chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của Công ty cổ phần Môi trường Nam Định. Ngày 15/06/2017, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 122/2017/GCNCP-VSD với số lượng chứng khoán đăng ký lần đầu 2.194.475 cổ phiếu. Ngày 11/08/2017, Cổ phiếu Công ty cổ phần Môi trường Nam Định chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán MND.

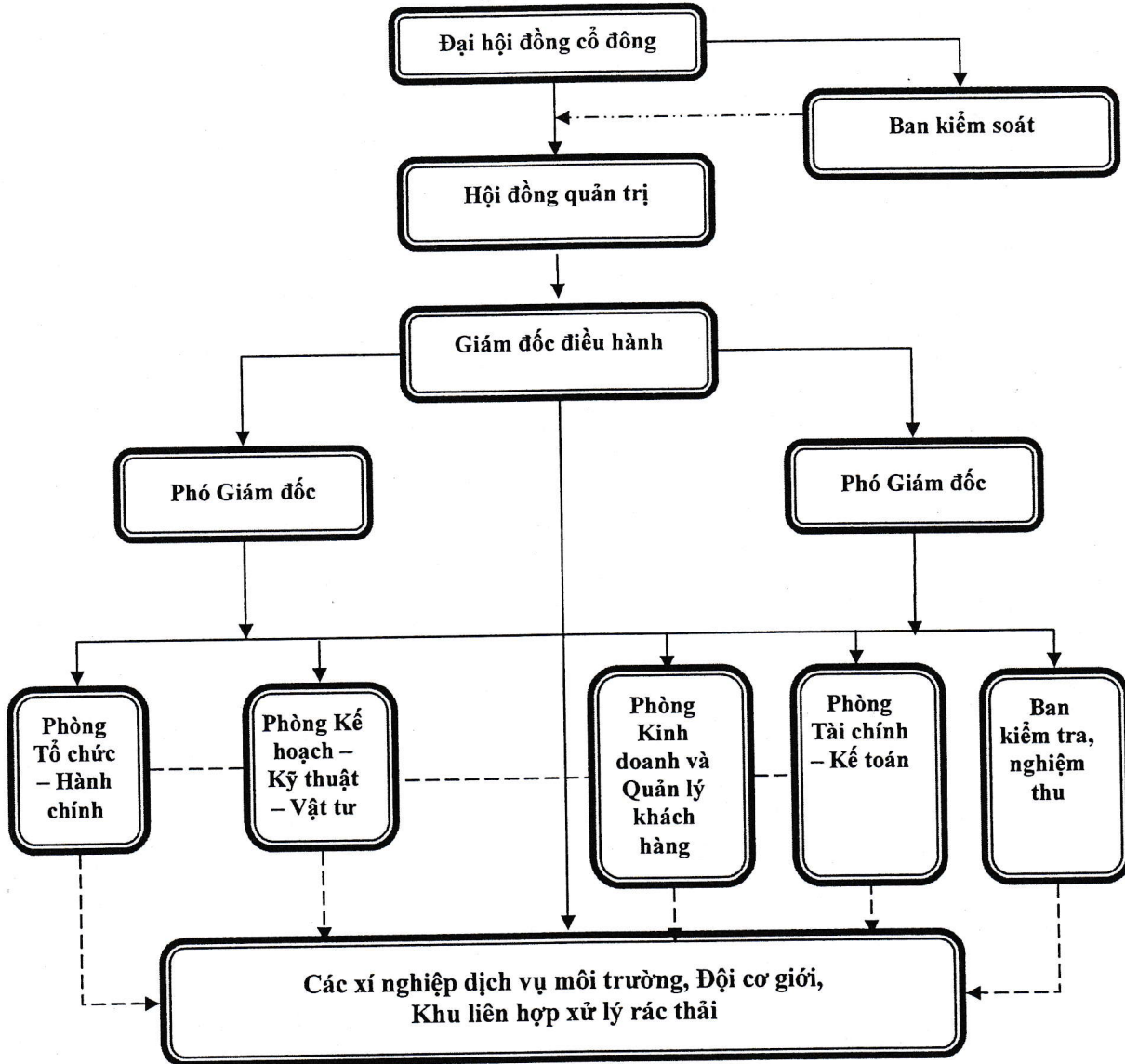
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0600143867 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/08/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Thu gom rác thải không độc hại | 3811 |
| 2 | Thu gom rác thải độc hại | 3812 |
| 3 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại | 3821 |
| 4 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại | 3822 |
| 5 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 |
| 6 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác | 3900 |
| 7 | Tái chế phế liệu | 3830 |
| 8 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận chuyển rác thải, chất thải. | 4933 |
| 9 | Vệ sinh chung nhà cửa | 8121 |
| 10 | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác | 8129 |
| 11 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | 8130 |
| 12 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu | 7490 |

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Môi trường Nam Định



Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường Nam Định

Cơ cấu bộ máy quản lý:

- **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị của Công ty..

- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích,

| | | |
|----|--|------|
| | Chi tiết: Hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý rác thải, chất thải; tư vấn về môi trường. | |
| 13 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế, khảo sát các công trình về môi trường. | 7110 |
| 14 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán dụng cụ, máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ công tác vệ sinh môi trường. | 4659 |
| 15 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 4669 |
| 16 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ công tác vệ sinh môi trường. | 2559 |
| 17 | Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa PP, PE. | 2220 |
| 18 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. | 3290 |

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.

4.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:

Địa bàn thành phố Nam Định và các khu vực lân cận.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1 Mô hình quản trị Công ty:

Hiện tại, Công ty cổ phần Môi trường Nam Định đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

• **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hiện có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

• **Ban Giám đốc:**

Hiện có 03 thành viên, trong đó có: 01 Giám đốc điều hành, 02 Phó Giám đốc. Giám đốc Công ty là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các nghị quyết của hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Phó Giám đốc là người giúp cho Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc điều hành, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Giám đốc điều hành và pháp luật về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

• **Các Phòng, Ban, Chi nhánh và Các đơn vị trực thuộc của Công ty:**

• **Phòng Tổ chức hành chính:**

- Thực hiện nhiệm vụ dưới sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Công ty; Tham mưu cho Giám đốc quản lý hệ thống văn thư lưu trữ, đánh máy, phô tô tài liệu, văn bản

đã được Giám đốc phê duyệt, quản lý tài sản văn phòng, giao dịch phát hành lưu trữ các văn bản của Công ty.

- Tham mưu cho Giám đốc quản lý hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ của công nhân viên chức, lao động trong Công ty đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
 - Thực hiện công tác hành chính: mua sắm, hội nghị, tiếp khách, thăm quan, vệ sinh môi trường trong sạch đẹp tại cơ quan ...
 - Tổ chức công tác đối ngoại theo sự ủy quyền của Công ty như soạn thảo công văn, xin giấy phép, tổ chức hội thảo, tiến hành công tác lễ tân, tiếp khách, hội họp của Công ty;
 - Phụ trách công tác an toàn vệ sinh, bảo hộ lao động của Công ty và cấp phát BHLĐ theo quy định của Công ty;
 - Phụ trách công tác phòng chống bão lụt, cháy nổ của Công ty;
 - Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.
- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Vật tư:**
- Thực hiện nhiệm vụ dưới sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường Nam Định. Tham mưu cho các phó Giám đốc Công ty về phần việc Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư được Giám đốc ủy quyền.
 - Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác Kế hoạch-Kỹ thuật-Vật tư đáp ứng cho các hoạt động của Công ty.
 - Xây dựng kế hoạch dịch vụ vệ sinh môi trường bao gồm các phương án: Quét dọn, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Qui trình, qui phạm công nghệ và các nghiệp vụ về quản lý đối với công tác kế hoạch, kỹ thuật, vật tư của Công ty.
 - Xây dựng chi tiết cụ thể các loại: kế hoạch, kỹ thuật, vật tư, định mức của từng loại công việc về sửa chữa, mua sắm phương tiện phụ tùng vật tư để đáp ứng kịp thời cho các hoạt động của Công ty.
 - Tổ chức triển khai thực hiện công tác Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư của Công ty. Kiểm tra và giám sát, chỉ đạo sản xuất theo qui trình phương án đã được duyệt. Thực hiện chế độ báo cáo tháng, quý, năm với Giám đốc Công ty.
 - Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch - Kỹ thuật - Vật tư của Công ty để báo cáo Giám đốc thường xuyên, đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc trong điều hành công việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về số liệu báo cáo.
 - Tham mưu cho Giám đốc trong việc nghiệm thu thanh toán khối lượng, chất lượng công việc phục vụ và dịch vụ vệ sinh môi trường.
 - Tham mưu xét duyệt phương án phục vụ của các đơn vị Công ty trước khi Giám đốc phê duyệt thực hiện.
 - Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, số liệu và toàn bộ mọi hoạt động của phòng Kế

hoạch - Kỹ thuật - Vật tư trước Giám đốc Công ty. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Công ty.

- Thực hiện công tác quản lý, kiểm tra sự cố kỹ thuật và các biên bản nghiệm thu kỹ thuật về việc sửa chữa thay thế thiết bị, vật tư. Báo cáo bằng văn bản trình Giám đốc Công ty giải quyết đáp ứng kịp thời phục vụ cho sản xuất của Công ty.
- Theo dõi cấp phát vật tư, thanh toán nhiên liệu và cung ứng vật tư cho Công ty (Có báo cáo hàng tháng).
- Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.
- **Phòng Kinh doanh và quản lý khách hàng:**
 - Thực hiện nhiệm vụ dưới sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Công ty.
 - Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác kinh doanh dịch vụ và quản lý dự án:
 - Công tác kinh doanh dịch vụ: Tổ chức, triển khai thực hiện các hợp đồng thu gom rác đường, hè, duy trì vệ sinh xóm ngõ trên địa bàn các phường, xã; Các hợp đồng dịch vụ vệ sinh với cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, trường học, chợ...và các hợp đồng dịch vụ vệ sinh khác.
 - Kiên công tác tổng hợp kinh doanh dịch vụ;
 - Xây dựng kế hoạch ký kết hợp đồng thu gom rác đường, hè, duy trì vệ sinh xóm ngõ trên địa bàn các phường xã; các hợp đồng dịch vụ vệ sinh khác.
 - Tổng hợp kết quả thực hiện công tác kinh doanh dịch vụ và quản lý khách hàng (các hợp đồng thu gom rác đường, hè, duy trì vệ sinh xóm ngõ; hợp đồng dịch vụ vệ sinh rác cơ quan và các hợp đồng dịch vụ vệ sinh khác).
 - Tham mưu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kinh doanh, dịch vụ.
 - Tổng hợp tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm phương tiện vận chuyển, thiết bị khi Giám đốc Công ty giao.
 - Quản lý hồ sơ số liệu về kinh doanh dịch vụ và các dự án của Công ty giao. Tham gia công tác quản lý khác khi Giám đốc Công ty yêu cầu.
 - Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:**
 - Tổ chức hạch toán kế toán theo quyết định về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành;
 - Lập kế hoạch tài chính, quản lý tài chính Công ty theo các qui định hiện hành và thực hiện chế độ báo cáo theo qui định của Công ty;
 - Tham mưu Giám đốc Công ty thực hiện tốt Luật kế toán tại đơn vị;
 - Thực hiện công tác tổng hợp, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

của Công ty từ báo cáo của các bộ phận, đơn vị và các thành phố kế toán, lập báo cáo tài chính;

- Giúp việc cho Giám đốc kiểm tra giám sát các chứng từ kinh tế phát sinh;
- Tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý tài chính hạch toán kế toán, cân đối, xác định nguồn vốn để định khoản kế toán, thanh toán;
- Quản lý chứng từ theo chế độ luân chuyển và lưu trữ chứng từ theo qui định của Nhà nước.
- Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.

• **Ban kiểm tra nghiệm thu:**

- Lập biên bản xử lý các lỗi của từng cá nhân, tập thể vi phạm nội quy sản xuất của Công ty, đề nghị hình thức thưởng, phạt trong phạm vi được phân công như: Cảnh cáo, khiển trách, hạ thi đua và cho dừng việc, kiểm điểm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.
- Kiểm tra tất cả các đơn vị phục vụ vệ sinh môi trường của Công ty như: quét, thu gom, vận chuyển, và xử lý rác thải theo nội quy, quy chế và quy trình sản xuất của Công ty.
- Kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất theo lịch của thường trực thi đua đặt ra có sự phê chuẩn của Lãnh đạo Công ty.
- Tổ chức bố trí người trong ban đi kiểm tra nghiệm thu khối lượng các giờ làm việc của Công ty ngoài mặt đường đảm bảo đường hè sạch đẹp.
- Kiểm tra quy trình làm việc của các đơn vị sản xuất và công tác chấp hành kỷ luật lao động như: Giờ làm việc, quy trình sản xuất, an toàn lao động, an toàn giao thông, khối lượng rác thu gom các loại hình: quét đường, hè; tua via; thu gom rác dân, cơ quan
- Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.

• **Các xí nghiệp dịch vụ môi trường:**

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất được giao theo phương án khoán quản kết hợp chặt chẽ với khoán gọn.
- Bố trí lao động sản xuất trên các địa bàn được giao khoán về thời gian, khối lượng, chất lượng công việc.
- Chủ động tìm kiếm mở rộng thị phần hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vệ sinh theo nguyên tắc đủ trang trải chi phí và có lợi nhuận.
- Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.

• **Đội cơ giới:**

- Quản lý phương tiện vận tải được Công ty giao;

- Bố trí phương tiện vận chuyển rác thải, phế thải trên thành phố do các Xí nghiệp thu gom hoặc các tổ chức chính trị, xã hội làm công tác vệ sinh môi trường;
- Tổ chức thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp phân cấp của Giám đốc Công ty;
- Giám sát việc thay thế sửa chữa về kỹ thuật, số lượng vật tư hàng tháng và khối lượng vận chuyển từng xe;
- Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.

- **Khu Liên hợp xử lý rác thải:**

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ xử lý rác theo kế hoạch sản xuất được giao về số lượng, chất lượng công việc.
- Quản lý, vận hành, duy tu, sửa chữa nhỏ đối với nhà máy và bãi chôn lấp đạt hiệu quả về kinh tế và môi trường khi lãnh đạo công ty ủy quyền.
Tham gia công tác quản lý khác khi chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty yêu cầu.

5.2 Các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con: Không có.
- Các công ty liên kết: Không có.

6. Định hướng phát triển

6.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- **Liên kết:** Liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời thúc đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- **Ngành nghề và sản phẩm:** Phát triển vững chắc - tập trung thực hiện tốt các gói hợp đồng cung cấp dịch vụ công ích được giao. Chuẩn bị các chiến lược sản phẩm và thị trường để phát triển sản xuất kinh doanh.
- **Về kỹ thuật, công nghệ:** Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành trang thiết bị nhằm nâng cao năng suất, giá cả, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.
- **Đổi mới:** Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp. Công ty là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Nam Định.

6.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Quan tâm đến lợi thế, uy tín của công ty trước đây đã được lãnh đạo tỉnh thành phố,

cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn ủng hộ và tập thể cán bộ, công nhân viên công ty nhiệt tình chịu khó, năng động sáng tạo trong lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố và các vùng lân cận, dần từng bước mở rộng địa bàn phục vụ, nâng cao chất lượng quét, thu gom, vận chuyển rác đạt hiệu quả cao hơn.

- Phát triển thêm các dịch vụ ngoài nhiệm vụ chính như: dọn vệ sinh môi trường nhà dân, công sở, cơ quan, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, kinh doanh một số lĩnh vực khác về công tác môi trường.

6.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo môi trường Sảng – Sạch – Đẹp trên tất cả các địa bàn mà công ty phục vụ.

7. Các rủi ro

7.1 Rủi ro kinh tế:

Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các Hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

Tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh, trong khi đó cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, dẫn đến công tác phục vụ vệ sinh môi trường luôn luôn chạy theo, biến động liên tục trong những năm tới.

7.2 Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần Môi trường Nam Định theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

7.3 Rủi ro luật pháp:

Pháp luật và những chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình kịp thời.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường Nam Định chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

7.4 Rủi ro đặc thù ngành

Giá nguyên nhiên, vật liệu là nhân tố tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận của Công ty, những năm gần đây, chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Công ty đều tăng so với năm liền kề trước đó, trong khi đơn giá đặt hàng Công ty đã ký với đối tác không kịp thay đổi để phù hợp với mức giá cả trên thị trường. Do đó, điều này ảnh hưởng tới lợi nhuận từng hợp đồng của Công ty. Cùng với đó là các chi phí khác như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng cũng tăng mạnh.

Một số tổ chức tư nhân, xã hội hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường cũng đang cạnh tranh thị phần với công ty.

Hệ thống phương tiện vận chuyển, nhà xưởng, dây chuyền thiết bị xử lý rác thải đã và đang xuống cấp trầm trọng khi không có kinh phí trung, đại tu trong hơn 15 năm qua.

Điều đáng lo ngại là hiện toàn tỉnh mới có khoảng trên 30 lò đốt rác; lượng rác thải phân lớn vẫn được xử lý bằng phương pháp chôn lấp, nhiều bãi chôn lấp chưa vận hành nghiêm túc theo các quy trình kỹ thuật, đang gây ô nhiễm môi trường; trên địa bàn tỉnh chưa có bãi/ô chôn lấp chất thải rắn công nghiệp. Bãi chôn lấp và xử lý rác thải hiện nay đã hết, đòi hỏi phải cấp thiết bãi chôn lấp khác. Trong khi UBND thành phố chưa xây dựng được Nhà máy XLRT mới và tốc độ đô thị hóa ngày càng lớn, tương ứng với khối lượng xả thải cần thu gom càng nhiều lên.

Diễn biến phức tạp của môi trường khí hậu lũ lụt, thiên tai...khắc nghiệt gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7.5 Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoả hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 – 2018

Đơn vị tính: Tr.đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--|----------|----------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 61.098 | 64.862 |
| Doanh thu thuần | 61.098 | 64.862 |
| Lợi nhuận gộp | 10.549 | 10.895 |
| Lợi nhuận thuần | 816 | 870 |

| | | |
|------------------------------|-------|------|
| Lợi nhuận khác | (229) | (61) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 587 | 809 |
| Lợi nhuận sau thuế | 334 | 631 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | So sánh thực hiện 2018 với | |
|----------------------|----------|--|----------------|----------------------------|--------------------|
| | | | | Kế hoạch 2018 (%) | Thực hiện 2017 (%) |
| Doanh thu thuần | 61.098 | 61.850 | 64.862 | 104,87% | 106,16% |
| Lợi nhuận trước thuế | 587 | 475 | 809 | 170,32% | 137,82% |
| Lợi nhuận sau thuế | 334 | 381 | 631 | 165,62% | 188,92% |
| Cổ tức (%) | - | 90% lợi nhuận sau thuế sau khi bù đắp các khoản lỗ của năm trước | - | - | - |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty)

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách ban điều hành:

Bảng số 2: Danh sách thành viên Ban Điều hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------|----------------|
| 1 | Trương Công Định | Giám đốc |
| 2 | Phạm Hữu Thuận | Phó Giám đốc |
| 3 | Hoàng Hữu Phúc | Phó Giám đốc |
| 4 | Nguyễn Thị Hiền | Kế toán trưởng |

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

* **Họ và tên** : **Trương Công Định**
Số CMND : 161354051 cấp ngày 09/11/2010 tại Công an Nam

Định

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 08/09/1963

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Khu TĐC Phạm Ngũ Lão, Mỹ Xá, thành phố Nam Định

Địa chỉ hiện tại : Khu TĐC Phạm Ngũ Lão, Mỹ Xá, thành phố Nam Định

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Sĩ quan - khoa Công binh công trình – Trường sĩ quan Chi huy kỹ thuật công binh – Hệ chính quy
Cử nhân kinh tế - Ngành Quản trị kinh doanh – Trường Đại học công đoàn Việt Nam – Hệ tại chức

Quá trình Công tác

Từ 1981 đến 1989 : *Học viên Trung úy, Thượng úy, trợ lý Ban công binh tỉnh Nam Định*

Từ 1989 đến 1995 : *Cán bộ phòng Kế hoạch, Nhà máy Liên hiệp dệt Nam Định*

Từ 1995 đến 2005 : *Cán bộ phòng Kế hoạch, Ban quản lý dự án, Phó giám đốc, Giám đốc Nhà nghỉ du lịch Quất Lâm – Công ty Du lịch Nam Định*

Từ 2005 đến 2010 : *Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Vật tư, Phó giám đốc Công ty Môi trường Nam Định*

Từ 2010 đến 07/2016 : *Phó bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Môi trường Nam Định*

Từ 08/2016 đến nay : *Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần môi trường Nam Định*

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : *Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần môi trường Nam Định*

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 9.700 cổ phần, chiếm 0,44% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không
Công ty

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

* **Họ và tên** : **Phạm Hữu Thuận**
Số CMND : 161580987 cấp ngày 20/11/2003 tại CA Nam Định
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 06/06/1958
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 35/55 Trường Chinh, Tp Nam Định
Địa chỉ hiện tại : 35/55 Trường Chinh, Tp Nam Định
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật – Trường ĐH Luật Hà Nội
Quá trình Công tác
Từ 04/1975 đến 05/1981 : Bộ đội E881 – F314 – Quân khu 2
Từ 6/1981 đến 2005 : Nhân viên – phó phòng – trưởng phòng tổ chức, kế hoạch vật tư Công ty Môi trường Nam Định
Từ 2005 đến nay : Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ môi trường số 2 Công ty Môi trường Nam Định
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 7.119 cổ phần chiếm 0,32% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : không
Công ty
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
* **Họ và tên** : **Hoàng Hữu Phúc**

Số CMND : 161880100 cấp ngày 17/5/2011 tại CA Nam Định

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 21/03/1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 31/92 Mạc Thị Bưởi, P. Thống Nhất, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Địa chỉ hiện tại : 31/92 Mạc Thị Bưởi, P. Thống Nhất, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp – ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội – hệ tại chức

Quá trình Công tác

Từ 06/1977 đến 08/1981 : Tài vụ Dg E132 –Bộ tư lệnh thông tin liên lạc

Từ 09/1981 đến 07/1987 : Nhân viên kế toán – Công ty vệ sinh TP Nam Định

Từ 08/1987 đến 06/2001 : Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty vệ sinh môi trường Nam Định

Từ 07/2001 đến 10/2005 : Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Môi trường Nam Định

Từ 11/2005 đến 07/2016 : Phó giám đốc Công ty Môi trường Nam Định;
Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ môi trường Số 1 (kiêm nhiệm từ tháng 01/2008)

Từ 08/2016 đến nay : Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần Môi trường Nam Định

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần Môi trường Nam Định

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 6.300 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu được ủy quyền : 00 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

* **Họ và tên** : **Nguyễn Thị Hiền**

Số CMND : 162263859 cấp ngày 20/05/2015 tại CA Nam Định

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 05/06/1979

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 32/3/92 Mạc Thị Bưởi, P. Thống Nhất, TP Nam Định

Địa chỉ hiện tại : 32/3/92 Mạc Thị Bưởi, P. Thống Nhất, TP Nam Định

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán kiểm toán – Đại học dân lập Phương Đông – Hệ chính quy

Quá trình Công tác

+ *Từ 2001 đến 2003* : *Kế toán Công ty TNHH Thái Dương*

+ *Từ 2003 đến 2008* : *Nhân viên chuyên quản Phòng kinh doanh Công ty Môi trường Nam Định*

+ *Từ 2008 đến 07/2016* : *Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Môi trường Nam Định*

+ *Từ 08/2016 đến 05/2018* : *Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường Nam Định*

+ *Từ 06/2018 đến nay* : *Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng*

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Môi trường Nam Định

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 5.200 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2 Những thay đổi ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 3: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|---------------------------------------|------------------|--------------|
| Tổng số | 407 | 100% |
| 1. Phân theo trình độ lao động | | |
| - Đại học và trên Đại học | 67 | 16,47 |
| - Cao đẳng | 11 | 2,70 |
| - Trung cấp | 6 | 1,47 |
| - Công nhân kỹ thuật | 21 | 5,16 |
| - Lao động phổ thông | 302 | 74,20 |
| 2. Phân theo giới tính | 407 | 100% |
| - Nam | 109 | 26,78 |
| - Nữ | 298 | 73,22 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường Nam Định)

• **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

Công ty cổ phần Môi trường Nam Định có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và nghiệp vụ chuyên môn, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật cao trong sản xuất kinh doanh, đảm nhận và hoàn thành tốt các công việc và nhiệm vụ thuộc lĩnh vực môi trường.

Công ty tập trung xây dựng chính sách để thu hút nhân lực có chất lượng cao như:

- Rà soát lại bộ máy nhân sự; kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn, bố trí công việc phù hợp với khả năng của từng người.
- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, đội ngũ lao động có trình độ tay nghề, chuyên môn cao.

- Tổ chức tuyển một số cán bộ có năng lực phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh mới.

- **Chính sách lương thưởng, trợ cấp**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

- Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc. Thực hiện tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước. Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ tiếp tục xây dựng hoàn thiện quy chế trả lương, trả thưởng dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Bảng số 4: Tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị tính: Tr.đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----------------------------------|----------|----------|
| Tổng giá trị tài sản | 48.852 | 48.813 |
| Doanh thu thuần | 61.098 | 64.862 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 816 | 870 |
| Lợi nhuận khác | (229) | (61) |
| Lợi nhuận trước thuế | 587 | 809 |
| Lợi nhuận sau thuế | 334 | 631 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | - | 86,89 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 5: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 2,02 | 2,21 |

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---|-------------|----------|----------|
| Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn | Lần | 2,01 | 2,20 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 40,91 | 20,88 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 91,03 | 43,33 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ | Lần | 387,03 | 475,63 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ | Lần | 1,28 | 1,36 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,55% | 0,97% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 1,52% | 2,80% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 0,68% | 1,35% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 1,34% | 1,34% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Môi trường Nam Định)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 2.194.475 chứng khoán. Trong đó

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.126.975 cổ phiếu (chiếm 96,92%)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 67.500 cổ phiếu (chiếm 3,08%)

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 6: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp (%) |
|------------------|------------------------------|------------------|------------------|---------------------------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 322 | 2.194.475 | 100,00 |
| 1.1 | Tổ chức (UBND tỉnh Nam Định) | 01 | 1.449.318 | 66,04 |
| 1.2 | Cá nhân | 321 | 745.157 | 33,96 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0,00 |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0,00 |
| Tổng Cộng | | 322 | 2.194.475 | 100,00 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Môi trường Nam Định)

Bảng số 7: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

| STT | Tên cổ đông | Số CMT/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN | Địa chỉ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|-----|--------------------|-----------------------------|--|-------------------------|-----------------------------------|
| 1 | UBND tỉnh Nam Định | | Số 57 Vị Hoàng, Tp. Nam Định, Nam Định | 1.449.318 | 66,04% |
| 2 | Vũ Đình Ngọc | 036069001330 | Yên Trung - Ý Yên - Nam Định | 337.879 | 15,40% |
| | Tổng | | | 1.787.197 | 81,08% |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Môi trường Nam Định)

- 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
- 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- 5.5 Các chứng khoán khác: Không.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:
- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không
- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không
- 6.2 Tiêu thụ năng lượng:
- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không
- 6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.
- 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:
- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Số lượng lao động bình quân: 397 người.
 - Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 8: Mức lương trung bình đối với người lao động

| Nội dung | Năm 2017 | Năm 2018 | Tăng/giảm (%) |
|---|----------|----------|---------------|
| Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 5,00 | 5,47 | +9,4% |

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường Nam Định)

- b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 9: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---|-----------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 61.098 | 64.862 |
| Các khoản giảm trừ | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 61.098 | 64.862 |
| Giá vốn hàng bán | 50.549 | 53.967 |
| Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10.549 | 10.895 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 465 | 792 |
| Chi phí tài chính | - | - |
| Chi phí bán hàng | 1.175 | 1.603 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9.023 | 9.214 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 816 | 870 |
| Thu nhập khác | 17 | 17 |
| Chi phí khác | 246 | 78 |
| Lợi nhuận khác | (229) | (61) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 587 | 809 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 252 | 177 |

| | | |
|--|-----|-----|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 335 | 631 |
|--|-----|-----|

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

Công ty đã mở rộng đầu tư, cải tiến và tối ưu hoá công nghệ, năng lực cung cấp các dịch vụ hiện có, đa dạng hoá sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh. Phát huy nguồn nội lực, chọn lọc và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

Bảng số 10: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: Tr.đồng

| TÀI SẢN | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---|---------------|---------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 22.210 | 21.587 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.782 | 18.784 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 3.563 | 1.741 |
| IV. Hàng tồn kho | 143 | 84 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 523 | 978 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 26.642 | 25.226 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | - | - |
| II. Tài sản cố định | 25.639 | 23.956 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 25.600 | 23.936 |
| 2. TSCĐ vô hình | 39 | 20 |
| III. Bất động sản đầu tư | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 1.003 | 1.270 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 48.852 | 46.813 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 – 2018

Đơn vị tính: Tr.đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--|---------------|--------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 19.988 | 9.775 |
| I. Nợ ngắn hạn | 10.988 | 9.775 |
| 1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | - | - |
| 2. Phải trả cho người bán | 509 | 6 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 1.777 | 539 |
| 4. Phải trả người lao động | 6.437 | 6.772 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 362 | 234 |
| 6. DT chưa thực hiện ngắn hạn | 10 | 9 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 1.009 | 1.231 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | - | - |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 794 | 895 |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 89 | 89 |
| II. Nợ dài hạn | 9.000 | 0 |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ điều kiện cụ thể về tình hình thị trường, kinh tế xã hội và tốc độ phát triển đô thị hoá của thành phố, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị nhất là mở rộng chiếm lĩnh thị trường, tranh thủ sự ủng hộ của lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố cộng đồng dân cư thành phố và các tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố về công tác vệ sinh môi trường. Tiếp tục phát huy ưu thế, tối đa nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng hiệu quả, tăng năng suất lao động, cải tiến phương tiện, dụng cụ, thiết bị nhà xưởng nhằm mang lại hiệu quả cao, giảm chi phí đầu vào tạo lợi nhuận và chất lượng vệ sinh môi trường cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Biện pháp kỹ thuật:

- Đầu tư thêm phương tiện vận chuyển hiện đại nhằm giải phóng rác khỏi thành phố trong thời gian sớm nhất, không để tồn đọng phế thải trên địa bàn thành phố.
- Tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý, kiểm tra giám sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất. Ban hành các quy định, quy chế nội bộ như: quy chế quản lý tài chính, quy chế phối hợp làm việc, quy chế tuyển dụng, quy chế phân phối thu nhập, các quy định định mức kinh tế, kỹ thuật các định mức, xây dựng cơ chế khoán nội bộ.
- Tiêu chuẩn hoá cán bộ, đặc biệt các vị trí chủ chốt từ Giám đốc Xí nghiệp, trưởng phòng nghiệp vụ trong công ty.
- Từng bước sắp xếp bố trí lao động cho hợp lý nhằm phát huy khả năng người lao động một cách hiệu quả nhất, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý bằng hình thức đào tạo tại chỗ, cử đi học.
- Từng bước nâng cao năng lực, không ngừng cải tiến kỹ thuật phương tiện máy móc, khai thác tối đa công suất phương tiện máy móc, dây truyền thiết bị.
- Liên doanh, liên kết với các cá nhân, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh. Có cơ chế khuyến khích các tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị khai thác và tìm kiếm mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm tăng thu nhập cho CBCNV.
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền phường xã, tổ dân phố tuyên truyền vận động mọi người, tổ chức chính trị xã hội có tinh thần giữ gìn vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh đô thị...

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):**

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Môi trường Nam Định

đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép góp một phần không nhỏ vào sự sáng – sạch – đẹp trên địa bàn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động tại Công ty cổ phần Môi trường Nam Định được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tham gia ủng hộ biển đảo quê hương,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2018, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định giao cho. Thành phố Nam Định có một diện mạo mới: đường phố ngày càng khang trang, sáng – sạch – đẹp.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ công ích đô thị với Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1 Những việc đã làm được:

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát

huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2 Những hạn chế cần khắc phục:

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành môi trường đô thị, trong năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo sát sao đối với hoạt động cung ứng dịch vụ của công ty;
- Tập trung đầu tư phát triển những ngành nghề liên quan đến lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty; từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực chuyên ngành công viên, cây xanh đô thị.
- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt giá theo cơ chế thị trường.
- Nâng cao và ổn định chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Cân đối giữa nguồn thu và chi để đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh;
- Cân đối và chủ động trả nợ theo tiến độ đã cam kết với các tổ chức tín dụng cho vay vốn đầu tư xây dựng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 12: Thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|------------------|------------------------------------|--|
| 1 | Triệu Đức Kiểm | Chủ tịch HĐQT – Không điều hành | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần, chiếm 0,55% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Nam Định: 1.449.318 cổ phần, chiếm 66,04% vốn điều lệ. |
| 2 | Trương Công Định | Thành viên HĐQT – Giám đốc | 9.700 cổ phần, chiếm 0,44% vốn điều lệ |
| 3 | Hoàng Hữu Phúc | Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc | 6.300 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ |

| | | | |
|---|-----------------|--------------------------------------|---|
| 4 | Vũ Đình Ngọc | Thành viên HĐQT – Không Điều hành | 337.879 cổ phần, chiếm 15,40% vốn điều lệ |
| 5 | Nguyễn Thị Hiền | Thành viên HĐQT – Điều hành | 5.200 cổ phần, chiếm 0.245% vốn điều lệ |

1.2 Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng như:

- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng;
- Thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật để trình ĐHCĐ thường niên 2018 thông qua

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 13: Thành viên Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|--------------------|----------------------|--|
| 1 | Trần Trọng Thành | Trưởng ban kiểm soát | 6.400 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ |
| 2 | Vũ Thị Phương Thúy | Thành viên BKS | 1.100 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ |
| 3 | Vũ Thu Hường | Thành viên BKS | 1.300 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ |

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 14: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Năm 2018 |
|-----|---------------------------------------|----------------------|
| 1 | Thù lao Hội đồng quản trị và giám đốc | 1.306.437.000 |
| 2 | Thù lao Ban kiểm soát | 325.260.000 |
| | Tổng cộng | 1.631.697.000 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tài chính của Công ty cổ phần Môi trường Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2018 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://moitruongnamdinh.com.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *dg*



Triệu Đức Kiềm